TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 106/2017/DS-ST Ngày: 29/12/2017 V/v "Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Hưng**

2. Ông **Trần Thanh Khen**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Dương Thị Hồng Cẩm**– Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên toà:* Không tham gia

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2017/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh N,** sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: 82/5 ấp P, xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1997 qua mai mối chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn T đã tiến đến hôn nhân, có làm lễ cưới theo tập quán, chị N và anh T không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau và có 02 con chung. Thời gian chung sống hạnh phúc kéo dài đến khoảng đầu năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh T đam mê cờ bạc không lo cho cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, việc này đã được cha mẹ hai bên khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vì thương con nhỏ nên chị N cố gắng khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh T để cùng nhau lo cho con nhưng vẫn không được. Chị N và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nữa do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nguyễn Thị Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Văn Khánh H, sinh ngày 26/12/1998 và Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 23/11/2000. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q đồng thời không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu H đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và cũng không gửi bản khai ý kiến cho Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn bảo lưu ý kiến của mình

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, anh T đồng ý giao lại cháu Nguyễn Thị Kim Q cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng đồng thời anh T không cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Văn Khánh H đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thanh N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Nguyễn Văn T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

* Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1997 qua mai mối chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn T đã tiến đến hôn nhân, có làm lễ cưới theo tập quán, chị N và anh T không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến khoảng đầu năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, chị N và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay chị Nguyễn Thị Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, anh T không đồng ý ly hôn với chị Nga.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh N, Hội đồng xét xử nhận định: Tình trạng hôn nhân của chị N và anh T là tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, chị N và anh T sống chung như vợ chồng từ năm 1997 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp, không được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là trái với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị N và anh T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà

không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh N. Hội đồng xét xử nhận định: chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa anh T và chị N đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay cho thấy vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, nếu tiếp tục kéo dài chỉ làm cho cuộc sống vợ chồng chẳng những không hạnh phúc mà còn ảnh hưởng đến công việc của cả hai. Do đó yêu cầu của anh T là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Văn Khánh H, sinh ngày 26/12/1998 và Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 23/11/2000. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q đồng thời không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh N, Hội đồng xét xử nhận định: Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Thị Kim Q có trình bày trong bản tự khai được Tòa án nhận ngày 11/12/2017, trong trường hợp cha và mẹ cháu ly hôn với nhau, cháu Q có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng với mẹ cháu là chị Nguyễn Thị Thanh N. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh N giao cháu Q cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Riêng cháu Nguyễn Văn Khánh H đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh N là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và các Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Văn Khánh H, sinh ngày 26/12/1998 và Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 23/11/2000. Khi ly hôn giao cháu Nguyễn Thị Kim Q cho chị Nguyễn Thị Thanh N được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục đồng thời anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Văn Khánh H đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn T, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh N nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0000961 ngày 09/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị N không phải nộp thêm tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Thành